TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 269/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 06 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn H, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp V (trước đây là ấp L), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Quỳnh D, sinh năm 2001; địa chỉ: C ấp A (trước đây là ấp P), xã G, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 11 năm 2025).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp V (trước đây là ấp L), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim U, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Phạm Công B, sinh năm: 1996; địa chỉ: 1 ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Châu Văn H được chia các tài sản gồm: thửa đất 38, tờ bản đồ số 1 (nay là tờ bản đồ số 79), diện tích 1.920,2m², tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long do ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Toàn bộ tài sản (nhà chính, nhà phụ, nhà tiền chế, cây trồng) có trên thửa đất

số 38, tờ bản đồ số 1 (nay là tờ bản đồ số 79), tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể gồm:

- Nhà chính: có kết cấu móng đơn bê tông cốt thép, nền lát gạch men, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tole Frôximăng, diện tích 208,1m^2.

- Nhà phụ: Kết cấu nền láng xi măng, khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tole Frôximăng, diện tích 54,1m^2 và 32,7m^2.

- Nhà tiền chế (mái che): Kết cấu khung tiền chế bằng thép hình, mái lợp tole tráng kẽm, bê tông đá 1x2, diện tích 154,9m^2.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Tổng giá trị tài sản ông H được nhận là 1.834.891.130đồng.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền thực hiện việc thu hồi quyền sử dụng đất đã cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T và thực hiện các thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Văn H theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự khi đương sự có yêu cầu.

Ông Châu Văn H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2.2/ Bà Trần Thị Thu T được chia các tài sản gồm:

- Thửa đất 58, tờ bản đồ số 1 (nay là tờ bản đồ số 79), diện tích 734,7m², tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long, do ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 3, tờ bản đồ 4 (nay là tờ bản đồ số 82), diện tích 518,3m², tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long, do ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

- Thửa đất 41, tờ bản đồ số 1 (nay là tờ bản đồ số 79), diện tích 1.669,6m² tọa lạc xã C, tỉnh Vĩnh Long, do ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Tổng giá trị tài sản bà T được nhận là 1.206.585.000đồng.

Ghi nhận việc bà Trần Thị Thu T tự nguyện không yêu cầu ông Châu Văn H hoàn trả lại phần giá trị chênh lệch đối với tài sản được nhận.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền thực hiện việc thu hồi quyền sử dụng đất đã cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T và thực hiện các thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Thu T theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự khi đương sự có yêu cầu.

Bà Trần Thị Thu T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2.3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim U thống nhất với sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T. Phần tài sản bà Trần Thị Thu T được chia (thửa đất 58, tờ bản đồ số 1, nay là tờ bản đồ số 79, diện tích 734,7m²; thửa đất số 3, tờ bản đồ 4, nay là tờ bản đồ số 82, diện tích 518,3m²; thửa đất 41, tờ bản đồ số 1, nay là tờ bản đồ số 79, diện tích 1.669,6m²) có tổng giá trị là 1.206.585.000đồng, cơ bản đảm bảo được việc thi hành khoản nợ của bà Trần Thị Thu T đối với bà Trần Thị Kim U theo Quyết định thi hành án số 1021/QĐ-CCTHA ngày 27/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách (nay là Phòng thi hành án khu vực 6 - Vĩnh Long) nên bà Trần Thị Kim U thống nhất với sự thỏa thuận của ông Châu Văn H và bà Trần Thị Thu T.

2.4/ Về chi phí tố tụng: Ông Châu Văn H tự nguyện đồng ý nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 9.104.000đồng và đã nộp đủ.

2.5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Châu Văn H tự nguyện đồng ý nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản ông H được nhận là 33.523.400đồng và tự nguyện đồng ý nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bà Trần Thị Thu T được nhận là 24.099.000đồng; tổng cộng là 57.622.400đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.909.800đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651 ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; ông H còn phải tiếp tục nộp 43.712.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim U số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003529 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA - TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền